

Trường Đại Học Mở - Địa chất

Phòng Đào tạo Đại học

-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)**Ngành: Máy và Tự động thủy khí (CDTK)**

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
Chương trình chung của ngành														
Học Kỳ Thứ 1														
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2				30							30
2	4010101	Đại số	3				45							45
3	4010102	Giải tích 1	4				60							60
4	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3				30		15					45
5	4010601	Tiếng Anh NEF1	3				45							45
6	4020103	Pháp luật đại cương	2				30							30

Cộng 17 240 15 255

Học Kỳ Thứ 2														
1	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3				30		15					45
2	4010103	Giải tích 2	3				45							45
3	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3				30		15					45
4	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3				45							45
5	4010602	Tiếng Anh NEF2	3				45							45
6	4010401	Hình học họa hình	2				30							30
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1				15							15

Cộng 18 240 30 270

Học Kỳ Thứ 3														
1	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3				45							45
2	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
3	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3				30		15					45
4	4010402	Vẽ kỹ thuật	2				30							30
5	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	3				30		15					45
6		Môn tự chọn A (ngành CDTK)	2											
7	4010702	Giáo dục thể chất 2	1				15							15

Cộng 17 195 30 225

Học Kỳ Thứ 4														
1	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2				30							30
2	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN	4				45		15					60
3	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	4				45		15					60
4	4090401	Nguyên lý máy + BTL	3				45							45
5		Môn tự chọn A (ngành CDTK)	2											
6	4010703	Giáo dục thể chất 3	1				15							15

Cộng 16 180 30 210

Học Kỳ Thứ 5														
1	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				30							30

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)**Ngành: Máy và Tự động thủy khí (CDTK)**

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
2	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2				30							30
3	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3				45							45
4	4090417	Kỹ thuật thủy khí B + TN	3				30		15					45
5	4010704	Giáo dục thể chất 4	1				15							15
6	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3				45							45
7		Môn tự chọn A (ngành CDTK)	2											

*Cộng**16**195**15**210*

Học Kỳ Thứ 6														
1	4090407	Đồ án thiết kế truyền động cơ khí	1								15			15
2	4090408	Kỹ thuật gia công cơ khí 1	4				60							60
3	4090238	Kỹ thuật điều khiển tự động	2				30							30
4	4090563	Máy thủy lực thể tích	2				30							30
5	4090564	Máy thủy lực cánh dẫn	2				30							30
6	4010705	Giáo dục thể chất 5	1				15							15
7	4090565	Máy quạt và máy nén khí	2				30							30
8		Môn tự chọn B (khoa 09)	2											
9		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

*Cộng**18**195**15**210*

Học Kỳ Thứ 7														
1	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3				45							45
2	4090566	Đồ án máy thủy khí	1								15			15
3	4090567	Thí nghiệm máy thủy khí	1						15					15
4	4090443	Tiếng Anh chuyên ngành	2				30							30
5	4090435	Truyền động - tự động thủy lực thể tích + TN	4				45		15					60
6	4090437	Truyền động thủy động	2				30							30
7		Môn tự chọn B (khoa 09)	2											
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

*Cộng**17**150**30**15**195*

Học Kỳ Thứ 8														
1	4090410	Đồ án kỹ thuật gia công cơ khí 2	2								30			30
2	4090436	Truyền động - tự động khí nén +TN	4				45		15					60
3	4090441	Động lực học và ổn định truyền động thủy lực	2				30							30
4	4090445	Chuyên đề máy và tự động thủy khí	2				30							30
5	4090568	Công nghệ sửa chữa máy thủy khí	2				30							30
6	4090433	Thực tập xưởng cơ khí	2						30					30
7		Môn tự chọn B (khoa 09)	2											
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

*Cộng**18**135**45**30**210*

Hướng chuyên sâu (CDTK_CDTK2): Máy và Tự động thủy khí công nghiệp dầu khí														
Học Kỳ Thứ 9														
1	4090438	Đồ án truyền động thủy lực - nén khí	1								15			15
2	4060511	Thiết bị khoan - khai thác dầu khí 2	2				30							30

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)**Ngành: Máy và Tự động thủy khí (CDTK)**

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
3	4090571	Trạm nén khí trong công nghiệp dầu khí	2				30							30
4	4090442	Thủy lực đường ống dẫn dầu khí	2				30							30
5	4090440	Hệ thống truyền động thủy khí ứng dụng trong công nghiệp dầu khí	2				30							30
6	4090446	Thực tập sản xuất	3						45					45
7		Môn tự chọn B (khoa 09)	2											
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng *16* *120* *45* *15* *180*

Học Kỳ Thứ 10														
1	4090447	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4090448	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Cộng *11* *60* *105* *165*

Hướng chuyên sâu (CDTK_CDTK1): Máy và Tự động thủy khí công nghiệp mỏ

Học Kỳ Thứ 9														
1	4090438	Đồ án truyền động thủy lực - nén khí	1								15			15
2	4090548	Máy khai thác	2				30							30
3	4090569	Trạm bơm cấp và thoát nước mỏ	2				30							30
4	4090570	Trạm quạt thông gió mỏ và trạm nén khí	2				30							30
5	4090439	Hệ thống truyền động thủy khí trong máy và thiết bị mỏ	2				30							30
6	4090446	Thực tập sản xuất	3						45					45
7		Môn tự chọn B (khoa 09)	2											
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng *16* *120* *45* *15* *180*

Học Kỳ Thứ 10														
1	4090447	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4090448	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Cộng *11* *60* *105* *165*

Môn tự chọn A (ngành CDTK) (_ACDTK): Tín chỉ tự chọn 6

1	4010106	Phương pháp tính	2				30							30
2	4010107	Hàm phức	2				30							30
3	4010112	Lý thuyết đồ thị	2				30							30
4	4090444	Tín học chuyên đề	2				30							30
5	4110132	Kỹ thuật an toàn và môi trường	2				30							30

Cộng *10* *150* *150*

Môn tự chọn B (khoa 09) (_BKH09): Tín chỉ tự chọn 8

1	4060501	Kỹ thuật ma sát	3				45							45
2	4090107	An toàn điện	2				30							30
3	4090125	Nhà máy điện	2				30							30
4	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2				30							30

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc học: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Máy và Tự động thủy khí (CDTK)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
5	4090150	Kinh tế năng lượng	2				30							30
6	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	2				30							30
7	4090152	Vận hành hệ thống điện	2				30							30
8	4090214	Cơ sở truyền động điện	2				30							30
9	4090223	Robot công nghiệp	2				30							30
10	4090224	Phương pháp lập trình CNC	2				30							30
11	4090235	ứng dụng Matlab và Simulink trong bài toán kỹ thuật	2				30							30
12	4090239	Kỹ thuật vi xử lý	2				30							30
13	4090241	ứng dụng PLC trong công nghiệp	2				30							30
14	4090243	Tự động hóa các quá trình sản xuất	2				30							30
15	4090341	Mô phỏng mạch điện và điện tử	2				30							30
16	4090420	Công nghệ Nano và vật liệu mới	2				30							30
17	4090431	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2				30							30
18	4090434	Lý thuyết cánh	2				30							30
19	4090502	Truyền động thủy khí + BTL	3				45							45
20	4090503	Thiết bị động lực	2				30							30
21	4090557	Máy nâng chuyển	2				30							30
22	4100161	Cơ học đá	2				30							30

Cộng

46

690

690

Môn tự chọn C (toàn trường) (_CCHUNG): Tín chỉ tự chọn 8

1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2		0101		30							30
2	4000002	Tâm lý học đại cương	2		0101		30							30
3	4000003	Tiếng Việt thực hành	2		0101		30							30
4	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		0101		30							30
5	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2		0101		30							30
6	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2		0101		30							30
7	4010403	Autocad + TH	2				15		15					30
8	4010603	Tiếng Anh 3	2				30							30
9	4010604	Tiếng Anh 4	2				30							30
10	4010605	Tiếng Nga 1	2				30							30
11	4010606	Tiếng Nga 2	2				30							30
12	4010607	Tiếng Trung 1	2				30							30
13	4010608	Tiếng Trung 2	2				30							30
14	4020104	Lịch sử Triết học	2		0101		30							30
15	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2				30							30
16	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2				30							30
17	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2				30							30
18	4040101	Địa chất đại cương	3				45							45
19	4040110	Địa mạo cảnh quan	2				30							30
20	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	3				45							45
21	4040825	Cơ sở sinh vật học	2				30							30
22	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	3				45							45
23	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2				30							30

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)**Ngành: Máy và Tự động thủy khí (CDTK)**

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
24	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3				45							45
25	4050302	Cơ sở viễn thám	2				30							30
26	4050509	Kỹ thuật môi trường	2				30							30
27	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2				30							30
28	4050526	Trắc địa đại cương	2				30							30
29	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2				30							30
30	4050610	Địa chính đô thị	2				30							30
31	4050616	Quản lý bất động sản	2				30							30
32	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2				30							30
33	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2				30							30
34	4050649	Quy hoạch vùng	3				45							45
35	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2				30							30
36	4050653	Quản lý đất đô thị	2				30							30
37	4060142	Địa vật lý đại cương	2				30							30
38	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2				30							30
39	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2				30							30
40	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3				45							45
41	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2				30							30
42	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2				30							30
43	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2				30							30
44	4070401	Nguyên lý kế toán	3				45							45
45	4070403	Kế toán tài chính 1	4				60							60
46	4080153	Thiết kế Website	2				30							30
47	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2				30							30
48	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3				30		15					45
49	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2				30							30
50	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2				30							30
51	4110130	Địa y học	2				30							30
52	4110236	Môi trường và con người	2				30							30

Cộng 114 1,680 30 1,710

SV chọn tối đa 2 TC trong các MH nhóm tự chọn 01

Tổng cộng 361 4290 435 90 210 5025

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu